

Mẫu số 01

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN**  
**CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ**

Mã hồ sơ: .....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒ ; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Kinh tế; Chuyên ngành: Tài chính - Ngân hàng

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

**1. Họ và tên người đăng ký:** PHẠM THỊ HỒNG VÂN

**2. Ngày tháng năm sinh:** 20/06/1975; ☐ Nam ; Nữ ☒ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

**3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:** ☒

**4. Quê quán:** Xã An Ninh Tây, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên

**5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:** Số 1, Đường 38, Khu nhà ở Công ty Đông Nam, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. HCM

**6. Địa chỉ liên hệ:** Số 1, Đường 38, Khu nhà ở Công ty Đông Nam, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP.HCM

Điện thoại di động: 0909707177; E-mail: van.pth@vlu.edu.vn

## **7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):**

### ***Trường Đại học Xây dựng Miền Trung:***

- Từ 1/3/2000 – 23/5/2001: Giáo viên, Trường Trung học Xây dựng số 6 (nay là Trường Đại học Xây dựng Miền Trung)
- Từ 24/5/2001 – 31/8/2008: Giảng viên, Trường Cao đẳng Xây dựng số 3 (nay là Trường Đại học Xây dựng Miền Trung)
- Từ tháng 9/2004: Đi học Cao học tại Trường Đại học Kinh tế TP.HCM

### ***Trường Đại học Văn Lang:***

- Từ 17/1/2007 – 25/5/2014: Giảng viên, Khoa Tài chính Kế toán, Trường Đại học dân lập Văn Lang
- Từ 26/5/2014 – 21/8/2017: Giảng viên, Phó Trưởng – Phụ trách Bộ môn Tài chính, Khoa Tài chính - Ngân hàng, Trường Đại học dân lập Văn Lang.
- Từ 22/8/2017 – 23/9/2019: Giảng viên, Phó Trưởng – Phụ trách Bộ môn Lý thuyết tài chính, Khoa Tài chính - Kế toán, Trường Đại học Văn Lang.
- Từ 24/9/2019 – 4/2/2020: Giảng viên, Phó Trưởng – Phụ trách Bộ môn Lý thuyết tài chính, Khoa Tài chính - Ngân hàng, Trường Đại học Văn Lang.
- Từ 5/2/2020 – 18/4/2022: Giảng viên, Phó Trưởng Bộ môn Tài chính doanh nghiệp, Khoa Tài chính - Ngân hàng, Trường Đại học Văn Lang.
- Từ 19/4/2022 đến nay: Giảng viên, Trưởng Bộ môn Tài chính doanh nghiệp, Khoa Tài chính - Ngân hàng, Trường Đại học Văn Lang.

Chức vụ: Hiện nay: Trưởng Bộ môn Tài chính doanh nghiệp;

Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng Bộ môn Tài chính doanh nghiệp

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Văn Lang.

Địa chỉ cơ quan: 69/68 Đặng Thùy Trâm, Phường 13, quận Bình Thạnh, TP, HCM

Điện thoại cơ quan: [028 7105 9999](tel:02871059999)

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không

## **8. Đã nghỉ hưu từ tháng .....năm: Chưa**

## **9. Trình độ đào tạo:**

- Được cấp bằng Đại học ngày 26 tháng 08 năm 1998; Số văn bằng: B 62147; Ngành: Tài chính - Tín dụng; chuyên ngành: Tài chính - Tín dụng; Nơi cấp bằng Đại học: Trường Đại học Kinh tế TP.HCM, Việt Nam.
- Được cấp bằng Thạc sĩ ngày 21 tháng 10 năm 2008; Số văn bằng: A 043712; Ngành: Kinh tế; chuyên ngành: Kinh tế tài chính – Ngân hàng; Nơi cấp bằng Thạc sĩ: Trường Đại học Kinh tế TP.HCM, Việt Nam.
- Được cấp bằng Tiến sĩ ngày 11 tháng 6 năm 2021; Số văn bằng: 000193; Ngành: Tài chính – Ngân hàng; chuyên ngành: Tài chính – Ngân hàng; Nơi cấp bằng Tiến sĩ: Trường Đại học Kinh tế TP.HCM, Việt Nam.

**10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: Chưa**

**11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo Sư tại HĐGS cơ sở:** Trường Đại học Văn Lang.

**12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành:** Kinh tế (chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng)

**13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:**

Ứng viên có hơn 17 năm giảng dạy đại học theo chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng tại Trường Đại học Văn Lang. Ứng viên đã và đang giảng dạy ở bậc đại học bao gồm các môn: (1) Phương pháp nghiên cứu khoa học, (2) Nguyên lý tài chính, (3) Tài chính doanh nghiệp, (4) Quản trị tài chính và (5) Phân tích và lập kế hoạch tài chính. Ứng viên tham gia giảng dạy bậc cao học môn Quản trị tài chính. Để giảng dạy các môn học hiệu quả hơn, giảng viên cần có cả kiến thức lý thuyết và vận dụng kiến thức lý thuyết vào thực tiễn doanh nghiệp thông qua kết quả thực hành tại doanh nghiệp và nghiên cứu khoa học của giảng viên. Việc vận dụng các kiến thức lý thuyết vào trong thực tiễn doanh nghiệp được khoa Tài chính - Ngân hàng tổ chức qua các buổi hội thảo định kỳ cùng chuyên gia để giảng viên trong khoa trao đổi, chia sẻ với những kết quả thực tế tại doanh nghiệp. Việc nghiên cứu khoa học của giảng viên là một nhiệm vụ bắt buộc của tất cả giảng viên nhằm tạo ra tri thức mới phục vụ công việc đào tạo và đề xuất các hướng xử lý đối với các vấn đề mới phát sinh hay đang tồn tại trong thực tiễn ở Việt Nam. Vì vậy, ngoài việc hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy, ứng viên cũng đã tập trung và tăng cường nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực mà ứng viên đã và đang tham gia giảng dạy và một số lĩnh vực khác có liên quan. Ứng viên tập trung nghiên cứu theo 2 hướng chính, đó là:

**- Hướng nghiên cứu thứ nhất thuộc về Tài chính doanh nghiệp: Quản trị tài chính doanh nghiệp, tăng trưởng doanh thu, gia tăng mức sinh lời và kiểm soát kiệt quệ tài chính.**

▪ Bài báo khoa học và báo cáo khoa học:

+ Số lượng: 12 bài.

+ Số thứ tự trong mẫu 1 (Phần B, Mục 7.1.a): [1], [2], [6], [11], [12], [13], [14], [16], [17], [18], [21], [22].

Trong đó, bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà ứng viên là tác giả chính sau TS:

+ Số lượng: 2.

+ Số thứ tự trong mẫu 1: [12], [17]

▪ Sách phục vụ đào tạo:

+ Số lượng: 2 sách.

+ Số thứ tự trong mẫu 1 (Phần B, Mục 5): [1], [2].

▪ Đề tài khoa học:

+ Số lượng: 1 đề tài cấp Bộ.

+ Số thứ tự trong mẫu 1 (Phần B, Mục 6): [2]

▪ Hướng dẫn HVCH:

+ Số lượng: 2.

+ Số thứ tự trong mẫu 1 (Phần B, Mục 4): [2], [3].

**- Hướng nghiên cứu thứ hai thuộc về Tài chính công: Quản lý nhà nước, tăng trưởng kinh tế và hỗ trợ phát triển doanh nghiệp.**

▪ Bài báo khoa học và báo cáo khoa học:

+ Số lượng: 10 bài.

+ Số thứ tự trong mẫu 1 (Phần B, Mục 7.1.a): [3], [4], [5], [7], [8], [9], [10], [15], [19], [20]

Trong đó, bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà ứng viên là tác giả chính sau TS:

+ Số lượng: 2.

+ Số thứ tự trong mẫu 1: [19], [20]. Và ứng viên cũng là tác giả duy nhất trong hai bài này.

▪ Sách phục vụ đào tạo:

+ Số lượng: 0.

+ Số thứ tự trong mẫu 1 (Phần, Mục 5): Không có.

▪ Đề tài khoa học:

+ Số lượng: 01 đề tài cấp sơ sở.

+ Số thứ tự trong mẫu 1 (Phần B, Mục 6): [1].

▪ Hướng dẫn HVCH:

+ Số lượng: 01

+ Số thứ tự trong mẫu 1 (Phần B, Mục 4): [1]

#### **14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:**

- Đã hướng dẫn NCS bảo vệ thành công luận án TS: Không có

- Đã hướng dẫn: 3 HVCH (chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng) bảo vệ thành công luận văn Thạc sĩ;

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: Ứng viên đã hoàn thành 2 đề tài nghiên cứu cấp cơ sở trở lên với vai trò là chủ nhiệm đề tài; trong đó có 1 đề tài cấp Bộ và 1 đề tài cấp cơ sở;

- Đã công bố (số lượng) 22 bài báo khoa học, trong đó:

- 9 bài báo khoa học công bố trên tạp chí quốc tế, trong đó có 8 bài là tạp chí quốc tế có uy tín: thuộc danh mục Scopus là 7 bài (hạng Q2, Q3) và 1 bài thuộc ESCI (ISI). Trong số này, ứng viên là tác giả duy nhất của 3 bài và tác giả chính của 3 bài khác;
- 13 bài báo khoa học công bố trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước thuộc danh mục tạp chí được Hội đồng chức danh Giáo sư nhà nước từ 0,5 điểm trở lên. Trong đó có 6 bài trên tạp chí hạng 1 điểm thì ứng viên đều là tác giả chính và ứng viên cũng là tác giả duy nhất của 4 bài hạng 1 điểm trong số 6 bài này;
- Theo Google scholar, kết quả nghiên cứu của ứng viên đến thời điểm hiện tại là: 60 trích dẫn, H-index là 4.

[https://scholar.google.com/citations?view\\_op=list\\_works&hl=vi&hl=vi&user=wCSwYs0AAAAJ](https://scholar.google.com/citations?view_op=list_works&hl=vi&hl=vi&user=wCSwYs0AAAAJ)

- Đã được cấp bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích: Không có;
- Số lượng sách đã xuất bản là 2 giáo trình thuộc nhà xuất bản có uy tín, trong đó có 1 giáo trình là tác giả duy nhất và 1 giáo trình là chủ biên;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: Không có

**15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):**

| Năm /Năm học | Danh hiệu thi đua                      | Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu; cơ quan ban hành quyết định     |
|--------------|----------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2018 - 2019  | Chiến sĩ thi đua cơ sở                 | Quyết định số 983/QĐ-ĐHVL, ngày 20/11/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn Lang.      |
| 2021 - 2022  | Lao động xuất sắc                      | Quyết định số 1996/2022/QĐ-ĐHVL, ngày 31/12/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn Lang |
| 2022 - 2023  | Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ           | Quyết định số 126/QĐ-ĐHVL, ngày 20/01/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn Lang       |
| 2025         | Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp giáo dục” | Quyết định 435/QĐ-BGDĐT ngày 20/2/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo              |

**16. Kỷ luật** (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không có.

**B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ**

**1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:**

Hơn 17 năm tham gia công tác giảng dạy đại học, ứng viên luôn nỗ lực học tập và nghiên cứu, luôn phấn đấu nhằm đáp ứng tốt các tiêu chuẩn và nhiệm vụ của một nhà giáo, cụ thể:

**Về phẩm chất đạo đức của nhà giáo:** Ứng viên luôn tâm huyết với nghề nghiệp, gắn bó với Trường Đại học Văn Lang hơn 17 năm qua. Đối với đồng nghiệp, ứng viên có tinh thần đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ đồng nghiệp trong công việc và trong cuộc sống. Đối với người học, ứng viên giảng dạy rất nhiệt tình, hướng dẫn chu đáo và giải đáp rõ ràng nhằm giúp người học đạt được mục tiêu. Ứng viên giao tiếp với người học với tinh thần bao dung, độ lượng, hòa nhã, sẵn sàng bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của người học. Ứng viên luôn thực hiện đúng quy định, nội quy và quy chế của nhà trường.

**Về công tác đào tạo:** Trong 6 năm gần nhất, năm nào ứng viên cũng hoàn thành vượt định mức giảng dạy theo quy định của Nhà trường. Ứng viên thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trau dồi kinh nghiệm thực tiễn nghề nghiệp, thực hiện nhiều nghiên cứu, cập nhật công nghệ thông tin để hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy được giao, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của nhà trường và xã hội.

**Về nghiên cứu khoa học:** Ứng viên luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ nghiên cứu khoa học hàng năm. Ứng viên đã công bố tổng cộng 22 bài báo khoa học, trong đó có 9 bài báo được công bố trên các tạp chí quốc tế và 13 bài báo công bố trên các tạp chí trong nước thuộc danh mục tính điểm HĐGSNN. Trong 9 bài báo mà ứng viên công bố trên tạp chí quốc tế thì có 8 bài thuộc tạp chí quốc tế uy tín (Scopus, Q2, Q3, ESCI), ứng viên là tác giả chính của 3 bài và tác giả duy nhất của 3 bài khác. Trong 13 bài báo được công bố trên các tạp chí chuyên ngành trong nước thì có 6 bài thuộc hạng 1 điểm theo danh mục tính điểm HĐGSNN. Ứng viên có kinh nghiệm trong việc chủ trì, tổ chức và hướng dẫn nghiên cứu cùng giảng viên và sinh viên. Ứng viên chủ nhiệm 1 đề tài cấp Bộ cùng với các thành viên tham gia là các đồng nghiệp và chủ nhiệm 1 đề tài cấp cơ sở. Ứng viên hướng dẫn 3 đề tài NCKH của sinh viên, trong đó có 1 đề tài đạt Giải Ba cuộc thi Olympic Kinh tế lượng Trung Ương Hội Sinh viên Việt Nam chủ trì, phối hợp cùng Học viện Tài chính và Viện Toán học tổ chức năm 2023.

## **2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:**

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 17 năm 4 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

| TT                     | Năm học   | Số lượng NCS đã hướng dẫn |     | Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn | Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD | Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp |     | Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*) |
|------------------------|-----------|---------------------------|-----|------------------------------------|-----------------------------------------|------------------------------------|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------|
|                        |           | Chính                     | Phụ |                                    |                                         | ĐH                                 | SĐH |                                                                                           |
| 1                      | 2019-2020 | 0                         | 0   | 0                                  | 1 KLTN                                  | 285                                | 0   | 330/394,31/229,5                                                                          |
| 2                      | 2020-2021 | 0                         | 0   | 0                                  | 0                                       | 300                                | 0   | 300/318,30/229,5                                                                          |
| 3                      | 2021-2022 | 0                         | 0   | 2                                  | 1 KLTN                                  | 300                                | 0   | 300/419,04/229,5                                                                          |
| <b>03 năm học cuối</b> |           |                           |     |                                    |                                         |                                    |     |                                                                                           |
| 4                      | 2022-2023 | 0                         | 0   | 0                                  | 2 KLTN                                  | 240                                | 45  | 285/398,47/216                                                                            |
| 5                      | 2023-2024 | 0                         | 0   | 0                                  | 2 KLTN                                  | 300                                | 45  | 345/458,93/216                                                                            |
| 6                      | 2024-2025 | 0                         | 0   | 1                                  | 2 KLTN                                  | 255                                | 45  | 300/474,23/216                                                                            |

(\*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

### 3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☐

- Học ĐH ☐ ; Tại nước: .....; Từ năm ..... đến năm .....



- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH ☐ ; tại nước: ..... năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☒

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Trường Đại học Mở TP.HCM; Số bằng: 11-19/TX-TATM2; Năm cấp: 2019

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): .....

d) Đối tượng khác ; ☐ Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Cử nhân Ngôn ngữ Anh – Học từ xa

#### 4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

| TT | Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT                  | Đối tượng |               | Trách nhiệm hướng dẫn |     | Thời gian hướng dẫn từ ... đến ... | Cơ sở đào tạo      | Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng |
|----|------------------------------------------------|-----------|---------------|-----------------------|-----|------------------------------------|--------------------|-------------------------------------------------------|
|    |                                                | NCS       | HVCH/CK2/BSNT | Chính                 | Phụ |                                    |                    |                                                       |
| 1  | Trương Anh Hào<br><a href="#">Hướng NC2</a>    |           | x             | x                     |     | 01/2022 – 06/2022                  | Trường ĐH Văn Lang | VL-M000297                                            |
| 2  | Trần Kỳ Nam<br><a href="#">Hướng NC1</a>       |           | x             | x                     |     | 01/2022 – 06/2022                  | Trường ĐH Văn Lang | VL-M000305                                            |
| 3  | Lê Hoài Trúc Linh<br><a href="#">Hướng NC1</a> |           | x             | x                     |     | 10/2024- 4/2025                    | Trường ĐH Văn Lang | VL- 7MA000258                                         |

**Ghi chú:** Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

#### 5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

| TT | Tên sách | Loại sách (CK, GT, TK, HD) | Nhà xuất bản và | Số tác giả | Chủ biên | Phần biên soạn (từ trang ... đến trang) | Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản) |
|----|----------|----------------------------|-----------------|------------|----------|-----------------------------------------|--------------------------------------|
|----|----------|----------------------------|-----------------|------------|----------|-----------------------------------------|--------------------------------------|

|    |                                        |            | <b>năm xuất<br/>bản</b>                          |   |                      |                                                                                                                                                                                                                       | <b>xác nhận sử dụng<br/>sách)</b> |
|----|----------------------------------------|------------|--------------------------------------------------|---|----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|
| I  | Trước khi được công nhận PGS/TS: Không |            |                                                  |   |                      |                                                                                                                                                                                                                       |                                   |
| II | Sau khi được công nhận PGS/TS          |            |                                                  |   |                      |                                                                                                                                                                                                                       |                                   |
| 1  | Nguyên lý<br>tài chính                 | Giáo trình | NXB<br>Thông tin<br>và Truyền<br>thông<br>(2023) | 3 | Phạm Thị<br>Hong Vân | - Chương 1 (Từ<br>trang 1 đến 14)<br>- Chương 3 (Từ<br>trang 35 đến 49)<br>- Chương 4 (Từ<br>trang 50 đến 88)<br>- Chương 5 (Từ<br>trang 89 đến 98)<br>- Chương 6 (Từ<br>trang 99 đến 127)<br><b>Tổng: 106/185 tr</b> | Số 566/ĐHVL,<br>Ngày 5/5/2025     |
| 2  | Tài chính<br>doanh<br>nghiệp           | Giáo trình | NXB<br>Thông tin<br>và Truyền<br>thông<br>(2025) | 1 | Phạm Thị<br>Hong Vân | 333 trang                                                                                                                                                                                                             | Số 910/ĐHVL,<br>Ngày 20/6/2025    |

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: Không có

**Lưu ý:**

- Chi kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

## 6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

| TT        | Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)                                                                                                         | Trách nhiệm (CN/PCN/TK) | Mã số và cấp quản lý          | Thời gian thực hiện | Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ               |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------------|---------------------|-------------------------------------------------------------------|
| <b>I</b>  | <b>Trước khi được công nhận TS</b>                                                                                                                     |                         |                               |                     |                                                                   |
| 1         | <u>Đề tài:</u><br>“Độ mở thương mại, phát triển thị trường chứng khoán và tăng trưởng kinh tế tại các nước đang phát triển”                            | Chủ nhiệm               | CS-2019<br>Đề tài cấp cơ sở   | 01/2019 – 06/2019   | Biên bản nghiệm thu đề tài NCKH, ngày 21/05/2019<br>Xếp loại: Khá |
| <b>II</b> | <b>Sau khi được công nhận TS</b>                                                                                                                       |                         |                               |                     |                                                                   |
| 2         | <u>Đề tài:</u><br>“Tác động của Covid-19 đến khả năng sinh lời của Ngân hàng thương mại và đề xuất một số giải pháp nhằm thích ứng trong bối cảnh mới” | Chủ nhiệm               | B2022-VLU-01<br>Đề tài cấp Bộ | 1/2022 – 12/2023    | Biên bản nghiệm thu đề tài NCKH, ngày 18/01/2024<br>Xếp loại: Đạt |

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

## 7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

### 7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

**7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:**

| TT | Tên bài báo/báo cáo KH                                                                                                          | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN           | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) | Tập, số, trang               | Tháng, năm công bố |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|------------------|-----------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------------------|------------------------------|--------------------|
| I  | <b>Trước khi được công nhận Tiến sĩ</b>                                                                                         |            |                  |                                                           |                                                   |                                            |                              |                    |
| 1  | Tác động của đòn bẩy tài chính, quy mô đến khả năng sinh lời của doanh nghiệp.                                                  | 1          | x                | Tạp chí Tài chính<br>ISSN 2615-8973                       |                                                   | 1                                          | Số 675<br>107-110            | Tháng 2<br>2018    |
| 2  | Đo lường khả năng kiệt quệ tài chính tại các công ty cổ phần ngành công nghiệp ở Việt Nam                                       | 1          | x                | Tạp chí Kinh tế & Phát triển<br>ISSN 1859-0012            |                                                   | 4                                          | Số 255<br>32-41              | Tháng 9<br>2018    |
| 3  | Độ mở thương mại, phát triển thị trường chứng khoán và tăng trưởng kinh tế tại các nước đang phát triển                         | 1          | x                | Tạp chí Kinh tế & Phát triển<br>ISSN 1859-0012            |                                                   |                                            | Số 260,<br>48-58             | Tháng 2<br>2019    |
| 4  | Quy mô thị trường chứng khoán, thị trường tín dụng và tương tác của chúng đến tăng trưởng kinh tế tại các nước đang phát triển. | 1          | x                | Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ<br>ISSN 1859-2333 |                                                   | 1                                          | Tập 55,<br>số 3D,<br>158-166 | 2019               |

|   |                                                                                                                         |   |   |                                                                     |                    |    |                              |                   |
|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|---------------------------------------------------------------------|--------------------|----|------------------------------|-------------------|
| 5 | Phát triển thị trường chứng khoán, tăng trưởng kinh tế và vai trò kiểm soát tham nhũng tại các quốc gia đang phát triển | 2 | x | Tạp chí Nghiên cứu và Kinh doanh Châu Á (JABES)<br>eISSN 2515-964X  |                    |    | Số 30(40),<br>05-26          | Tháng 4<br>2019   |
| 6 | Tác động công nghệ, nguồn nhân lực đến tăng trưởng tại các ngân hàng thương mại, công ty chứng khoán Việt Nam           | 1 | x | Tạp chí Kinh tế & Phát triển<br>ISSN 1859-0012                      |                    |    | Số 265,<br>34-45             | Tháng 7<br>2019   |
| 7 | Tác động của độ mở thương mại, kiểm soát tham nhũng đến tăng trưởng kinh tế tại các nước đang phát triển.               | 1 | x | Tạp chí Kinh tế & Ngân hàng Châu Á<br>ISSN 1859-3682                |                    |    | Số 160,<br>5-18              | Tháng 7<br>2019   |
| 8 | Trade of ICT products, government, and economic growth: Evidence from East Asia-Pacific region                          | 2 |   | Journal of Asian Finance, Economics and Business<br>eISSN 2288-4645 | <b>SCOPUS (Q2)</b> | 23 | Vol. 7,<br>No.8,<br>175-183  | Tháng 8<br>2020   |
| 9 | Impacts of Corruption Control on Economic Growth in Relationship with Stock Market and Trade Openness                   | 1 | x | Journal of Asian Finance, Economics and Business<br>eISSN 2288-4645 | <b>SCOPUS (Q2)</b> | 15 | Vol. 7,<br>No.12,<br>73 - 84 | Tháng 12,<br>2020 |

|    |                                                                                                                       |   |   |                                                                                                                                 |             |    |                            |                  |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----|----------------------------|------------------|
| 10 | Factors Affecting Parents' Decision to Send Their Children Abroad for Studies: A Case Study of Parents in Ho Chi Minh | 1 | x | International Education Studies and Sustainability<br>ISSN 2766-4562                                                            |             |    | Vol.1,<br>No.1<br>99-109   | Tháng 1<br>2021  |
| 11 | The Impact of Product Consumption Strategy and Financial Autonomy on Competitiveness of Technology Firms in Vietnam,  | 2 | x | Journal of Asian Finance, Economics and Business<br>eISSN 2288-4645<br><i>Đây là chỉ mục cuối cùng tạp chí còn thuộc SCOPUS</i> | SCOPUS (Q2) | 2  | Vol.8<br>No.4,<br>819-826  | Tháng 4<br>2021  |
| II | <b>Sau khi được công nhận Tiến sĩ</b>                                                                                 |   |   |                                                                                                                                 |             |    |                            |                  |
| 12 | Impact of Covid-19 on the Profitability Performance of Real Estate Businesses in Vietnam                              | 2 | x | International Journal of Economics and Finance Studies<br>ISSN 1309-8055                                                        | SCOPUS (Q3) | 14 | Vol.14<br>No.1,<br>377-395 | Tháng 4<br>2022  |
| 13 | Khả năng sinh lời của các Ngân hàng thương mại Việt Nam thời kỳ Covid-19.                                             | 2 | x | Tạp chí Kinh tế và dự báo<br>ISSN 1859-4972,                                                                                    |             |    | Số 18,<br>13-16            | Tháng 6<br>2022  |
| 14 | Cơ hội và thách thức của doanh nghiệp ngành Logistic trong và sau thời kỳ dịch Covid-19.                              | 1 | x | Tạp chí Kinh tế và dự báo<br>ISSN 1859-4972                                                                                     |             |    | Số<br>31(821)              | Tháng<br>11/2022 |

|    |                                                                                                                                                   |   |   |                                                                                |                            |   |                        |              |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|--------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---|------------------------|--------------|
| 15 | The Nexus between Corporate Performance and State Ownership in Vietnam: The moderating influences of Excessive Ownership and Business Environment | 6 |   | Journal of Risk and Financial Management<br>ISSN 1911-8074                     | <b>SCOPUS (Q2)</b>         | 3 | Vol.16, No.12, 449     | 2023         |
| 16 | Các chiến lược ứng phó của NHTM Việt Nam để duy trì khả năng sinh lời trong thời kỳ Covid-19                                                      | 3 | x | Tạp chí nghiên cứu kinh tế<br>ISSN 0866-7489                                   |                            |   | Số 5 (540), 37 – 50    | Tháng 5 2023 |
| 17 | Determinants of Vietnamese bank profitability: comparisons between before and during COVID-19 pandemic periods                                    | 4 | x | International Journal of Managerial and Financial Accounting<br>ISSN 1753-6723 | <b>SCOPUS (Q3)</b><br>ESCI |   | Vol.16 No.4, 454-473   | 2024         |
| 18 | Các nhân tố tác động đến sự hồi phục thị trường ở các doanh nghiệp vận tải tàu biển Việt Nam sau thời kỳ hoàng kim                                | 2 | x | Tạp chí Kinh tế và dự báo<br>eISSN 2734-9365                                   |                            |   | Số tháng 8             | Tháng 8 2024 |
| 19 | Developing Vietnam's real estate market during the                                                                                                | 1 | x | Asian Economic and Financial Review                                            | <b>SCOPUS (Q3)</b>         |   | Vol.14, No.12, 947–957 | 2024         |

|    |                                                                                                                     |   |   |                                                            |                    |  |                           |                 |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|------------------------------------------------------------|--------------------|--|---------------------------|-----------------|
|    | crisis period (2020-2023).                                                                                          |   |   | ISSN 2222-6737                                             |                    |  |                           |                 |
| 20 | Profitable Investment Channels of Vietnamese Commercial Banks (2018–2024)                                           | 1 | x | Journal of Risk and Financial Management<br>ISSN 1911-8074 | <b>SCOPUS (Q2)</b> |  | Vol.18<br>No.4,<br>182.   | 2025            |
| 21 | Đánh giá tác động của đầu tư tài sản ngắn hạn đến hiệu suất sinh lời ROE đối với doanh nghiệp bất động sản Việt Nam | 1 | x | Tạp chí Kinh tế - Tài chính<br>ISSN 2615-8973              |                    |  | Số 1,<br>93-95            | Tháng 5<br>2025 |
| 22 | Cơ hội mua được bất động sản của người dân trên địa bàn TP.HCM                                                      | 1 | x | Tạp chí nghiên cứu kinh tế<br>ISSN 0866-7489               |                    |  | Số 5<br>(564),<br>78 - 88 | Tháng 5<br>2025 |

- Link truy cập các bài báo theo thứ tự:

[1]:

<https://tapchitaichinh.vn/do-luong-kha-nang-kiet-que-tai-chinh-cua-cac-cong-ty-niem-yet-tren-thi-truong-chung-khoan.html>

[2]: <https://ktpt.neu.edu.vn/tim-kiem-tap-chi.aspx?Month=9&Year=2018>

<https://ktpt.neu.edu.vn/tap-chi/so-255/muc-luc-161/do-luong-kha-nang-kiet-que-tai-chinh-tai-cac-cong-ty-co-phan-nganh-cong-nghiep-o-viet-nam.378931.aspx>

[3]: <https://ktpt.neu.edu.vn/tim-kiem-tap-chi.aspx?Month=2&Year=2019>

<https://ktpt.neu.edu.vn/tap-chi/so-260/muc-luc-14/do-mo-thuong-mai-phat-trien-thi-truong-chung-khoan-va-tang-truong-kinh-te-tai-cac-nuoc-dang-phat-trien.379062.aspx>

[4]: <https://ctujsvn.ctu.edu.vn/index.php/ctujsvn/issue/view/84>

[5]: <https://digital.lib.ueh.edu.vn/handle/UEH/61002>

[6]: <https://ktpt.neu.edu.vn/tim-kiem-tap-chi.aspx?Month=7&Year=2019>



<https://ktpt.neu.edu.vn/tap-chi/so-265/muc-luc-617/tac-dong-cong-nghe-nguon-nhan-luc-den-tang-truong-tai-cac-ngan-hang-thuong-mai-cong-ty-chung-khoan-viet-nam.379129.aspx>

[7]: <https://vjol.info.vn/index.php/DHNHTPHCM/article/view/43391>

[8]: <https://koreascience.kr/article/JAKO202026061031590.page;?&lang=ko>

[9]: <https://koreascience.kr/journal/OTGHEU/v7n12.page> Thứ tự trên mục lục: 8

[10]: <https://www.scholink.org/ojs/index.php/iess/issue/view/442>

[11]: <https://koreascience.kr/journal/OTGHEU/v8n4.page> Thứ tự trên mục lục: 79

[12]: <https://sobiad.org/manuscript/index.php/ijefs/issue/view/8>

<https://sobiad.org/manuscript/index.php/ijefs/article/view/1061/153>

[13]: <https://kinhtevadubao.vn/kha-nang-sinh-loi-cua-cac-ngan-hang-thuong-mai-viet-nam-thoi-ky-dich-covid-19-23352.html>

[14]: <https://kinhtevadubao.vn/co-hoi-va-thach-thuc-cua-doanh-nghiep-nganh-logistics-trong-va-sau-thoi-ky-dich-covid-19-25004.html>

[15]: <https://www.mdpi.com/1911-8074/16/12/499>

[16]: Tạp chí in, hồ sơ đính kèm quyền Tạp chí

[17]: <https://www.inderscienceonline.com/doi/abs/10.1504/IJMFA.2024.141739>

[18]: <https://kinhtevadubao.vn/cac-nhan-to-tac-dong-den-su-phuc-hoi-thi-truong-cua-cac-doanh-nghiep-van-tai-tau-bien-viet-nam-sau-thoi-ky-hoang-kim-29596.html>

[19]: <https://archive.aessweb.com/index.php/5002/article/view/5252>

[20]: <https://www.mdpi.com/1911-8074/18/4/182>

[21]: <https://tapchitaichinh.vn/danh-gia-tac-dong-cua-dau-tu-tai-san-ngan-han-den-hieu-suat-sinh-loi-roe-doi-voi-doanh-nghiep-bat-dong-san-viet-nam.html>

[22]: Tạp chí in. Tuy nhiên, thời điểm tháng 5,6/2025, Tạp chí vừa xong thủ tục sáp nhập nên chưa in kịp quyền Tạp chí.

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà ứng viên là tác giả chính sau PGS/TS: **4 bài**, bao gồm các bài báo có số thứ tự [12], [17], [19], [20]

**7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố** (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

| TT | Tên bài báo/báo cáo KH          | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN | Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành | Tập, số, trang | Tháng, năm công bố |
|----|---------------------------------|------------|------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------------------|----------------|--------------------|
| I  | Trước khi được công nhận PGS/TS |            |                  |                                                 |                                         |                |                    |
| 1  |                                 |            |                  |                                                 |                                         |                |                    |
| II | Sau khi được công nhận PGS/TS   |            |                  |                                                 |                                         |                |                    |
| 1  |                                 |            |                  |                                                 |                                         |                |                    |

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà ứng viên là tác giả chính sau PGS/TS: .....

**7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích: Không**

| TT  | Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích | Tên cơ quan cấp | Ngày tháng năm cấp | Tác giả chính/đồng tác giả | Số tác giả |
|-----|------------------------------------------------|-----------------|--------------------|----------------------------|------------|
| 1   |                                                |                 |                    |                            |            |
| ... |                                                |                 |                    |                            |            |

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS: .....

**7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao): Không**

| TT | Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT | Cơ quan/tổ chức công nhận | Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm) | Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế | Số tác giả |
|----|--------------------------------------------------------------|---------------------------|------------------------------------------|----------------------------------|------------|
|    |                                                              |                           |                                          |                                  |            |

|     |  |  |  |  |  |
|-----|--|--|--|--|--|
| 1   |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS: .....

**8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:**

| TT | Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN | Vai trò UV (Chủ trì/Tham gia) | Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm) | Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng | Văn bản đưa vào áp dụng thực tế                             | Ghi chú     |
|----|-------------------------------------------------------------|-------------------------------|----------------------------------------------|------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-------------|
| 1  | Tham gia Hội đồng Khoa                                      | Tham gia                      | Quyết định số 581/QĐ-ĐHVL, ngày 16/4/2021    | Khoa TCNH, VLU                     | Góp ý CTĐT mỗi khóa                                         | Đại học     |
| 2  | Hội đồng đánh giá CTĐT ngành TCNH                           | Tham gia                      | Quyết định số 120/QĐ-ĐHVL, ngày 18/01/2021   | Trường ĐH Văn Lang                 | Tham gia viết báo cáo kiểm định CTĐT bậc cử nhân ngành TCNH | Đại học     |
| 3  | Hội đồng đánh giá CTĐT bậc Thạc sĩ ngành TCNH               | Tham gia                      | Quyết định số 20/QĐ-ĐHVL, ngày 13/01/2023    | Trường ĐH Văn Lang                 | Tham gia viết báo cáo kiểm định CTĐT bậc Thạc sĩ ngành TCNH | Sau Đại học |

**9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế\*: *Không***

- Thời gian được bổ nhiệm PGS
- Hoạt động đào tạo
- Nghiên cứu khoa học
- Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

*Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước*

**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

*TP. HCM , ngày 24 tháng 6 năm 2025*

**NGƯỜI ĐĂNG KÝ**

(Ký và ghi rõ họ tên)

A handwritten signature in blue ink, consisting of a stylized 'P' followed by a horizontal line and a diagonal stroke.

Phạm Thị Hồng Vân